

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-11-2021

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Hạnh Thi.

2. Bà Kiều Thị Kim Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Yến Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Khánh Q, sinh ngày 13/4/1996.

Địa chỉ: Số 240 Khu 2, ấp Voi Lá, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Mai Phương T, sinh ngày 04/4/1994.

Địa chỉ thường trú: Ấp 3, xã A, huyện C, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: 165 Nanyang New Village, Fengyuan District, Taichung City (Đài Loan, Trung Quốc).

(Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/10/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Đoàn Thị Khánh Q trình bày: Bà và ông Mai Phương T qua thời gian tìm hiểu nhau khoảng vài tháng thì tiến đến việc đăng ký kết hôn, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Long An số 22/2015, quyển số 01/2015 ngày 02/4/2015. Sau khi sinh con vào tháng 4/2015, bà và ông T không còn sống chung với nhau nữa, cuộc sống của ai nấy lo. Ông T và bà chỉ liên lạc với nhau để ông T gặp con. Đến cuối năm 2017, bà có dọn về nhà ông T sống được khoảng 02 tháng thì ông T đi xuất khẩu lao động sang Đài Loan; cùng lúc đó bà cũng dọn về nhà mẹ ruột ở cho đến nay. Hiện nay bà và ông T tuy có liên lạc với nhau nhưng chủ yếu là để ông

T gặp con, còn tình cảm vợ chồng không còn nữa, mạnh ai nấy sống. Đồng thời ông T cũng xác định sẽ làm việc lâu dài tại Đài Loan nên ông bà không còn tiếng nói chung nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy nay bà làm đơn yêu cầu ly hôn với ông Mai Phương T để cả hai đều được tự do.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Mai Đoàn Tuấn K, sinh ngày 27/4/2015. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại "Đơn đề nghị xét xử vắng mặt" ngày 06/5/2021, bị đơn Mai Phương T trình bày: Ông nhận được giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa ông và bà Đoàn Thị Khánh Q. Hiện nay do dịch bệnh Covid và công việc vừa mới chuyển đổi nên không thể về nước trực tiếp tham gia vụ án. Vì vậy, ông làm đơn này đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án và xin được vắng mặt trong tất cả các phiên xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ông gửi kèm tất cả giấy tờ có liên quan đến vụ án mà ông có cũng như trình bày quan điểm của ông về phân chia tài sản chung và quyền nuôi con như sau:

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về quyền nuôi con sẽ thuộc về bà Đoàn Thị Khánh Q, phụ cấp hàng tháng sẽ do hai bên thương lượng với nhau và sẽ được gặp con theo thương lượng của hai bên.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: 01 đơn khởi kiện xin ly hôn, đơn đề nghị xét xử vắng mặt (đã được hợp hóa lãnh sự), bản tự khai, 01 bản giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), 01 giấy khai sinh (bản sao), giấy chứng minh nhân dân (bản sao), 01 sổ hộ khẩu (bản sao) và tài liệu khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Bà Đoàn Thị Khánh Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Mai Phương T nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2.2] Ông Mai Phương T có yêu cầu xin vắng mặt, bà Đoàn Thị Khánh Q có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt hai bên đương sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22 Quyền số 01/2015, ngày 02/4/2015 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Long An cấp thì bà Đoàn Thị Khánh Q và ông Mai Phương T là vợ chồng hợp pháp.

[3.2] Bà Đoàn Thị Khánh Q cho rằng giữa bà và ông T tuy còn liên lạc với nhau nhưng chủ yếu là để ông T gặp con, còn tình cảm vợ chồng không còn nữa,

mạnh ai nấy sống. Đồng thời, ông T cũng xác định sẽ làm việc lâu dài tại Đài Loan nên hai bên không còn tiếng nói chung nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Mai Phương T cũng thừa nhận rằng không thể về Việt Nam và thực tế ông T sinh sống tại Đài Loan đã lâu, không xác định thời gian quay về Việt Nam để xây dựng cuộc sống gia đình với bà Q và chăm sóc con chung. Vì vậy, thấy rằng hôn nhân giữa bà Q và ông T đã *"...lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Q.

[3.3] Về con chung: Theo Giấy khai sinh số 80/2015, quyển số 01/2015 thì bà Đoàn Thị Khánh Q và ông Mai Phương T có 01 con chung tên Mai Đoàn Tuấn K, sinh ngày 27/4/2015. Hiện do bà Q trực tiếp nuôi dưỡng và ông T cũng đồng ý để bà Q nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.4] Về tài sản chung: Hai bên đương sự khai thống nhất là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.5] Về nợ chung: Hai bên đương sự khai thống nhất là không có và không có người nào khác yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.6] Về cấp dưỡng: Bà Q không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ đó thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Đoàn Thị Khánh Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 37, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Khánh Q.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Khánh Q được ly hôn với ông Mai Phương T.

[2] Về con chung: Bà Đoàn Thị Khánh Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Mai Đoàn Tuấn K, sinh ngày 27/4/2015.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc bà Đoàn Thị Khánh Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Q đã nộp theo biên lai thu số 0000045 ngày 28/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

[7] Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- UBND xã A, huyện C, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh